

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 13/12/2017.

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tới.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Mừng.

Bà Nguyễn Thị Ly.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 426/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Trúc L, sinh năm 1991; (có mặt).

Cư trú: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Phan Thành Đ, sinh năm 1986; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đ đám cưới vào năm 2008, hôn nhân do mai mối và được cha mẹ hai bên quyết định. Vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung khoảng 04 năm nay. Mặc dù chồng có tới lui thăm con nhưng mỗi lần vợ chồng gặp mặt nhau đều xảy ra mâu thuẫn lý do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm với nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Thành Đ;

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Phan Lê Hải Đ1, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2009. Hiện nay con chung đang sống với ông Đ. Khi ly hôn, bà thống nhất để ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ1. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phan Thành Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Chị L và anh Đ chung sống năm 2008, không đăng ký kết hôn nên không công nhận chị L và anh Đ là vợ chồng.

- Về con chung: có 01 con chung tên Phan Lê Hải Đ1, sinh ngày 08/8/2009 đang sống với anh Đ và phát triển bình thường. Tại phiên tòa, chị L đồng ý để anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ1. Để ổn định cuộc sống cho cháu Đ1 nghĩ nên để anh Đ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ1.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà L khởi kiện ông Đ, ông Đ có nơi cư trú ấp T, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà L và ông Đ có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2008. Ông, bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát

sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”. Xét, không công nhận bà Lê Thị Trúc L và ông Phan Thành Đ là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Phan Lê Hải Đ1, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2009. Hiện nay, cháu Đ1 đang sống với ông Đ. Tại đơn khởi kiện, bà L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ1. Tại phiên tòa, Bà L trình bày hiện nay đang làm công nhân may tại thành phố Long Xuyên, còn phải nuôi cha đang bị bệnh nên không có thời gian và điều kiện kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà đồng ý để ông Đ được tiếp tục nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu Đ1 đang sống ổn định với ông Đ, được đi học và phát triển bình thường. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Đ1 cho ông Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Bà L xác định không có, nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Bà L xác định không có, nên không đề cập giải quyết.

Ghi nhận bà L xác định hai người không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của hai người trong thời kỳ hôn nhân thì bà L và ông Đ vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 228, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Trúc L và ông Phan Thành Đ là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Ông Phan Thành Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Lê Hải Đ1, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2009. Hiện cháu Đ1 đang sống với ông Đ.

Ông Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không đề cập giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Lê Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0014282 ngày 23/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Lê Thị Trúc L có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Phan Thành Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thành Tới**